

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 798/2025/DS-PT

Ngày: 26/11/2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 572/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2025/DS-ST, ngày 23/7/2025 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực N, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1160/2025/QĐ-PT ngày 23/10/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Mạnh C, sinh năm 1961; (có mặt)

Địa chỉ: ấp An Bình, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;

Nay là: ấp An Bình, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Phan Công B, sinh năm 1967; (có mặt)

Tô Thị L, sinh năm 1971;

Phan Công P, sinh năm 1988; (có mặt)

Phan Công N, sinh năm 1991; (có văn bản xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp An Bình, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;

Nay là: ấp An Bình, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà L:

Nguyễn Văn C1, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

*. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Phạm Mạnh C; Bị đơn Tô Thị L;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Mạnh C trình bày:* Nguyên đơn và anh B là cột chèo và chị L là chị vợ của nguyên đơn trước đây ông sinh sống và làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh vợ chồng anh B, chị L ở C và làm nghề mua bán mặt hàng lương thực cần tiền làm vốn mua bán nên có vay tiền của nguyên đơn thông qua việc chuyển khoản tại Ngân hàng S cho B đại diện rút tiền của nguyên đơn cụ thể như sau:

Lần thứ nhất là vào ngày 13/5/2008 chuyển cho anh B số tiền là 350.000.000 đồng;

Lần thứ hai là vào ngày 14/5/2008 chuyển cho anh B số tiền là 200.000.000 đồng

Lần thứ ba vào ngày 28/12/2009 nguyên đơn chuyển cho anh B số tiền là 450.000.000 đồng. Tổng cộng 03 lần vay là 1.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, thời hạn vay khi nào nguyên đơn cần lấy lại tiền thì thông báo trước cho vợ chồng anh B, chị L sẽ trả lại cho nguyên đơn.

Từ khi vay tiền cho đến nay thì anh B và chị L thực hiện trả lãi cho nguyên đơn đến hết năm 2010 thì ngưng cho đến nay. Nguyên đơn nhận lãi mỗi tháng từ bị đơn là 15.000.000 đồng do con của ông B và bà L đưa tiền lãi cho nguyên đơn là anh Phan Công P giao cho nguyên đơn tiền lãi và nguyên đơn có tự ghi chú lại việc đưa lãi.

Ông C có đơn khởi kiện bổ sung trong thời gian năm 2008-2009 gia đình vợ chồng ông B, bà L cần tiền vốn mua bán mặt hàng lương thực và chi tiêu cuộc sống gia đình, chi phí con ăn học nên hỏi vay của nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng nêu trên. Do tin tưởng nên hai bên cũng không làm biên nhận.

Nay ông C yêu cầu ông Phan Công B, bà Tô Thị L và cùng 02 con là Phan Công P, Phan Công N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền vốn vay là 1.000.000.000 đồng và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 01/3/2025 là 171 tháng, lãi suất 1,5%/tháng, thành tiền là 2.565.000.000 đồng.

Theo tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa bị đơn ông Phan Công B trình bày: Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý vì bị đơn không có vay tiền của nguyên đơn mà việc nguyên đơn có chuyển tiền cho bị đơn 03 lần Lần thứ nhất là vào ngày 13/5/2008 là 350.000.000 đồng;

Lần thứ hai là vào ngày 14/5/2008 là 200.000.000 đồng;

Lần thứ ba vào ngày 28/12/2009 là 450.000.000 đồng. Tổng cộng 03 lần là 1.000.000.000 đồng là có việc chuyển tiền này cho ông nhưng đây là tiền hùn vốn làm ăn mua bán gạo do lúc đó giá gạo đang sốt cao ông liên hệ điện thoại cho nguyên đơn hùn vốn làm ăn với ông để mua gạo trữ rồi bán kiếm lời thì chia và lỗ thì hai bên cùng chịu do tin tưởng nên bị đơn và nguyên đơn chỉ thỏa thuận không có làm giấy tờ hợp đồng hay văn bản gì. Ông B xác định không có việc vay tiền từ nguyên đơn mà việc hùn vốn làm ăn và nguyên đơn đã kết thúc vào

năm 2009 và chia tiền cho nguyên đơn xong hết rồi. Ông B xác định không còn nợ tiền của nguyên đơn bất kỳ số tiền nào hết.

Theo tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa bị đơn bà Tô Thị L trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý. Vì việc hùn hạp làm ăn của ông B với ông C bà hoàn toàn không hề biết chỉ nghe ông B nói là có hùn hạp làm ăn chứ không có vay tiền gì từ ông C. Hiện tại bà và ông B đã ly hôn.

Theo tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa bị đơn anh Phan Công P trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì anh không đồng ý. Vì hoàn toàn anh không biết về việc ông B bà L có hùn vốn làm ăn hay có nợ nần gì đối với ông C hay không. Còn đối với thửa đất mà ông B tặng cho lại cho anh và bà L, anh N thì do bà ngoại anh cho bà L nhưng ông B đứng tên dùm nên ông B ly hôn mẹ anh nên ông B giao lại thửa đất này lại cho anh; em anh và mẹ anh. Anh xác định không có đưa tiền lãi cho ông C như ông C nói là ba mẹ anh yêu cầu anh đưa tiền lãi mỗi tháng 15.000.000 đồng. Việc anh có đưa tiền cho ông C khoảng 2008-2009 đến 2011 thì xong do anh có mượn tiền của ông C và vợ ông C để mở cửa hàng điện thoại nên anh gửi tiền lời để trả không liên quan gì đến việc hùn vốn mua bán làm ăn lãi suất gì đối với ông C và ông B.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2025/DS-ST, ngày 23/7/2025 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực N, tỉnh Đồng Tháp đã Quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35; Điều 92, Điều 235, Điều 243; Điều 266, Điều 267, Điều 271; khoản 2, Điều 244, Điều 184 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 463, Điều 466, Điều 155, Điều 429 Bộ luật Dân sự;

Căn Cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Mạnh C.

Buộc ông Phan Công B và bà Tô Thị L phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Mạnh C số tiền nợ tổng cộng là: 1.000.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà L, ông B chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Mạnh C yêu cầu ông Phan Công B; bà Tô Thị L; anh Phan Công P; anh Phan Công N phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền lãi suất là: 540.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Mạnh C yêu cầu anh Phan Công P; anh Phan Công N phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Công B và bà Tô Thị L phải liên đới chịu 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Mạnh C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 25.600.000 án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên ông được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31/7/2025, nguyên đơn Phạm Mạnh C kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Anh Phan Công P, anh Phan Công N có trách nhiệm liên đới cùng ông Phan Công B, bà Tô Thị L trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 540.000.000 đồng;

Ngày 04/8/2025, bị đơn bà Tô Thị L kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Bà không có trách nhiệm liên đới cùng ông Phan Công B trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh như án sơ thẩm đã tuyên cho ông Phạm Mạnh C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Phạm Mạnh C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung: Anh Phan Công P, anh Phan Công N có trách nhiệm liên đới cùng ông Phan Công B, bà Tô Thị L trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 540.000.000 đồng;

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Tô Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung: Bà không có trách nhiệm liên đới cùng ông Phan Công B trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh như án sơ thẩm đã tuyên cho ông Phạm Mạnh C;

Bị đơn Phan Công B, anh Phan Công P đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Mạnh C;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát

viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Tuy nhiên, bị đơn ông Phan Công B yêu cầu tính thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định lại là “Đòi tài sản” được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo của ông Phạm Mạnh C, bà Tô Thị L và biên nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của bà L thì ông C, bà L kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, anh Phan Công N có văn bản xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Xét phạm vi kháng cáo của người kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào nội dung đơn kháng cáo ngày 31/7/2025 của nguyên đơn Phạm Mạnh C, ông C chỉ kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Anh Phan Công P, anh Phan Công N có trách nhiệm liên đới cùng ông Phan Công B, bà Tô Thị L trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 540.000.000 đồng;

Căn cứ vào nội dung đơn kháng cáo ngày 04/8/2025 của bị đơn Tô Thị L kháng cáo, bà L kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Bà không có trách nhiệm liên đới cùng ông Phan Công B trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh như án sơ thẩm đã tuyên cho ông Phạm Mạnh C;

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ do đương sự cung cấp xác định thì ông B, bà L trong thời kỳ hôn nhân có vay của ông C 1.000.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về phần này mà Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xét đến tính liên đới trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 540.000.000 đồng.

[2.1]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Mạnh C về việc anh Phan Công P, anh Phan Công N có trách nhiệm liên đới cùng ông Phan Công B, bà Tô Thị L trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 540.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Phạm Mạnh C không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc anh P, anh N có tham gia vào giao dịch đối với số tiền nêu trên. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông C cũng thừa nhận việc vay tiền không liên

quan đến anh P, anh N nhưng do anh P, anh N có liên quan đến phần tài sản để đảm bảo cho việc trả nợ của bị đơn;

Căn cứ Điều 70 Luật hôn nhân và gia đình về quyền và nghĩa vụ của con không có quy định con có nghĩa vụ trả nợ cho cha mẹ, anh P và anh N cũng không có bảo lãnh cho khoản nợ của ông B nên không có căn cứ buộc anh P và anh N liên đới cùng ông B, bà L trả nợ cho ông C;

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn Phạm Mạnh C là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của ông C về việc xem xét số tiền lãi 540.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Phạm Mạnh C yêu cầu tính lãi trên số tiền 1.000.000.000 đồng, tính từ ngày 25/3/2022 đến ngày 25/3/2025 với mức lãi suất là 1,5%/tháng thành tiền là 540.000.000 đồng;

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại giai đoạn sơ thẩm, bị đơn ông Phan Công B yêu cầu tính thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Đòi tài sản” được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự;

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn Phạm Mạnh C là có căn cứ;

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài những chứng cứ do nguyên đơn Phạm Mạnh C cung cấp thì cũng không có chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Phạm Mạnh C;

Vì thế Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Mạnh C.

[2.2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Tô Thị L về việc bà L không có trách nhiệm liên đới cùng ông Phan Công B trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh như án sơ thẩm đã tuyên cho ông Phạm Mạnh C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào chứng cứ do bà Tô Thị L cung cấp thì bà L và ông B xác định đã ly hôn theo Bản án số 293/2024/HNGĐ-ST ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nhưng thời điểm ông B vay tiền của ông C để kinh doanh là đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của gia đình trong thời gian chung sống như vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên bà L phải có trách nhiệm liên đới cùng ông B trả nợ cho ông Phạm Mạnh C;

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Tô Thị L và ông Phan Công B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay cho ông Phạm Mạnh C là có căn cứ;

Tại phiên Tòa phúc thẩm, ngoài những chứng cứ do bị đơn Tô Thị L cung cấp thì cũng không có chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà

L;

Vì thế Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tô Thị Lệ .

[3]. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm số: 21/2025/DS-ST, ngày 23/7/2025 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực N, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tô Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Phạm Mạnh C là người cao tuổi nên không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

[5]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các điều 155, 166, 249, 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Phạm Mạnh C, bị đơn bà Tô Thị L;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2025/DS-ST, ngày 23/7/2025 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực N, tỉnh Đồng Tháp;

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Mạnh C.

Buộc ông Phan Công B và bà Tô Thị L phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Mạnh C số tiền nợ tổng cộng là 1.000.000.000 đồng (một tỉ đồng).

Kể từ ngày ông Phạm Mạnh C có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Tô Thị L, ông Phan Công B chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Mạnh C về việc yêu cầu ông Phan Công B, bà Tô Thị L, anh Phan Công P, anh Phan Công N phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền lãi phát sinh là 540.000.000 đồng.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Mạnh C về việc yêu cầu anh Phan Công P, anh Phan Công N phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Mạnh C số tiền vay 1.000.000.000 đồng.

1.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Công B và bà Tô Thị L phải liên đới chịu 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Mạnh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Tô Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001129 ngày 04/8/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Ông Phạm Mạnh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***. Nơi nhận:**

- TPT-TANDTC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 5;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Vĩnh Hữu